

Bản án số: 179/2022/HC-ST
Ngày 16-02-2022
V/v Khiếu kiện quyết định
hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Đông

2. Bà Lê Thanh Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Luân – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 tháng 01 năm 2022 và ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại
trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số
262/2020/TLST- HC ngày 09 tháng 7 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định
hành chính”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4785/2021/QĐXXST-HC ngày 15
tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 296/2021/QĐST-HC ngày
29 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Thu H

Hộ khẩu: 144/35 Đường a, Phường A, Quận M, Thành phố H

Nơi ở: 108 đường b, khu phố x, phường T, thành phố T, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh B

Địa chỉ: 39/17/14 Đường c, khu phố y, phường L, thành phố T, Thành phố
H.

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân Thành phố T, Thành phố H

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố T, Thành phố H.

Địa chỉ: 186 Đường d, phường L, Thành phố T, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Nguyễn Tấn T – Phó trưởng phòng Quản lý đô thị - Đội trưởng Đội quản lý trật tự đô thị thành phố T, Thành phố H;

- Ông Nguyễn Minh V – Chuyên viên Phòng Quản lý đô thị thành phố T, Thành phố H;

- Bà Cù Thoại V1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, Thành phố H.

Ông Phan Thanh B và ông Nguyễn Minh V có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng còn lại trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng - người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày nội dung như sau:

Vào ngày 14 tháng 9 năm 2016 bà Nguyễn Thị Q, ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị Mỹ P bán lại cho bà Nguyễn Thị Thu H căn nhà ngang 5m dài 13,7m nhà cấp 4 tường gạch mái tôn thửa đất 528 tờ bản đồ số 35 tài liệu 2005, căn nhà này chung số nhà 108 đường e, phường T, quận Đ (nay là thành phố T). Khi mua bán hai bên có viết giấy tay. Bà H ở căn nhà trên từ năm 2016, đến nay bà H chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Q chưa đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H đi công chứng. Do nhà bị dột nát nên vào tháng 7 năm 2018 bà H đã coi nền, nâng tường, làm mái tôn chống dột.

Ngày 09 tháng 8 năm 2018 Ủy ban nhân dân quận Đ ban hành Quyết định số 4581/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng đối với bà H.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019 Ủy ban nhân dân quận Đ ban hành Quyết định số 3800/QĐ-CCXP cưỡng chế công trình xây dựng của bà H.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020 Ủy ban nhân dân quận Đ đã đập bỏ toàn bộ căn nhà trên.

Bên cạnh ngôi nhà mua năm 2016 thì vào năm 2017 bà H có mua thêm của bà Q phần đất trống liền kề diện tích khoảng hơn 30m² (tính từ đường b vào), sau đó bà H tự làm nhà tạm (mượn tường từ căn nhà mua năm 2016 và tường nhà bà Q rồi lợp tôn sử dụng như hiện trạng hiện nay).

Các quyết định trên không đúng vì phần diện tích nhà bị cưỡng chế được xây dựng và tồn tại từ năm 2012 theo Giấy phép xây dựng số 1018/GPXD ngày 28 tháng 5 năm 2012 thuộc một phần thửa 199 tờ bản đồ số 21 bản đồ địa chính

phường T quận Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 193995 ngày 25 tháng 4 năm 2006.

Trước khi mở phiên tòa, người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4581/QĐ-XPVPHC ngày 09 tháng 8 năm 2018, Quyết định số 3800/QĐ-CCXP ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ. Yêu cầu Ủy ban nhân dân quận Đ bồi thường thiệt hại cho người khởi kiện 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Tại phiên tòa đại diện người khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân quận Đ (nay là thành phố T) bồi thường thiệt hại cho bà H là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu) đồng.

Người bị kiện trình bày nội dung như sau:

Ngày 23 tháng 7 năm 2018, Ủy ban nhân dân phường T kiểm tra và lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng số 05/BB-VPHC đối với bà Nguyễn Thị Thu H vì có hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng, cụ thể: “Diện tích vi phạm 48,5m², kết cấu: Tường gạch, cột bê tông, mái tôn, xà gồ sắt. Thời điểm vi phạm xây dựng: Tháng 7/2018”, quy định tại điểm b, khoản 5, Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính Phủ.

Ngày 09 tháng 8 năm 2018, Ủy ban nhân dân quận Đ ban hành Quyết định số 4581/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị Thu H, nội dung:

“...Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức chính: Phạt tiền.

Cụ thể: 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

b) Hình thức phạt bổ sung: Không

c) Các biện pháp khắc phục hậu quả:

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, bà Nguyễn Thị Thu H phải làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng. Hết thời hạn quy định nêu trên, bà Nguyễn Thị Thu H không xuất trình với người có thẩm quyền xử phạt giấy phép xây dựng thì bị áp dụng biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị tại số 108 (thuộc thửa đất số 42 tờ bản đồ số 35-Tài liệu năm 2005), đường b, khu phố x, phường T, quận Đ, Thành phố H:

Tổng diện tích vi phạm: 48,5m², kết cấu tường gạch, cột bê tông, mái tôn, xà gỗ sắt. Thời điểm vi phạm xây dựng: Tháng 7/2018.

Trường hợp sau khi được cấp giấy phép xây dựng, công trình, phần công trình không phù hợp với giấy phép xây dựng thì bà Nguyễn Thị Thu H phải tháo dỡ công trình hặc phần công trình đó mới được tiếp tục xây dựng”.

Tuy nhiên đã quá thời hạn quy định nhưng bà Nguyễn Thị Thu H không thực hiện theo nội dung Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 4581/QĐ-XPVPHC ngày 09 tháng 8 năm 2018. Do đó, ngày 25 tháng 4 năm 2019 Ủy ban nhân dân quận Đ ban hành Thông báo số 428/TB-UBND về việc thực hiện biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm đối với bà Nguyễn Thị Thu H.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019, Ủy ban nhân dân quận Đ ban hành Thông báo số 871/TB-UBND về việc thực hiện cưỡng chế tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm đối với bà Nguyễn Thị Thu H.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019, Ủy ban nhân dân quận Đ ban hành Quyết định số 3800/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị Thu H.

Ủy ban nhân dân quận Đ nhận thấy đã thực hiện đúng quy trình thủ tục đối với việc ban hành các Quyết định số 4581/QĐ-XPVPHC ngày 09 tháng 8 năm 2018, Quyết định số 3800/QĐ-CCXP ngày 05 tháng 7 năm 2019. Do đó, Ủy ban nhân dân quận Đ đề nghị giữ nguyên các quyết định đã ban hành nêu trên.

Đối với nội dung bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu Ủy ban nhân dân quận Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Thu H 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Ủy ban nhân dân quận Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ nhận thấy đã thực hiện đúng quy trình, thủ tục trong quá trình thực thi công vụ. Do đó, việc bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu Ủy ban nhân dân quận Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ bồi thường thiệt hại cho bà H số tiền 100.000.000 đồng là không có cơ sở.

Tại phiên tòa ngày 19 tháng 01 năm 2022 đại diện người khởi kiện yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa gặp hàng xóm và chủ cũ để xác minh thời điểm tạo lập căn nhà. Tại phiên tòa ngày 16 tháng 02 năm 2022 đại diện người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để giám định thời điểm ban hành Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính ngày 02 tháng 8 năm 2018 của phòng Quản lý

Đô thị quận Đ vì đại diện người khởi kiện nghi ngờ biên bản này được lập sau khi bà H bị xử phạt.

Đại diện của người khởi kiện tranh luận:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Luật xử lý vi phạm hành chính “*Xử phạt vi phạm hành chính là việc người có thẩm quyền xử phạt áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính*”.

Căn nhà của bà Nguyễn Thị Thu H bị Ủy ban nhân dân quận Đ cưỡng chế được bà Nguyễn Thị Q xây dựng theo Giấy phép xây dựng số 1018/GPXD ngày 28 tháng 5 năm 2012 thể hiện qua các tài liệu: giấy mua bán tay giữa bà H với bà Q bà P ông H1 (ghi rõ căn nhà mái tôn, tường cao 1m vách tôn), giấy xác nhận của hàng xóm, lời khai của bà Nguyễn Thị Q. Đến năm 2018 bà H chỉ sửa chữa chứ không thực hiện hành vi xây mới như quyết định xử phạt của Ủy ban nhân dân quận Đ. Như vậy bà H không phải là người thực hiện hành vi vi phạm. Ngoài ra, trong Biên bản vi phạm hành chính xác định thời điểm vi phạm là tháng 7 năm 2018 nhưng trong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì xác định thời điểm vi phạm là tháng 6 năm 2018. Giả sử Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính được phòng Quản lý Đô thị quận Đ lập đúng ngày 02 tháng 8 năm 2018 thì cũng không khách quan vì những người chứng kiến là cán bộ của Ủy ban nhân dân phường T. Do vậy, đại diện người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Căn nhà bị xử phạt và cưỡng chế của bà Nguyễn Thị Thu H được bà H xây dựng trên một phần đất trống và một phần nhà bà H nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Q nên Ủy ban xác định bà H xây dựng không phép là đúng. Tháng 6 năm 2018 bà H xây dựng căn nhà trên đã bị Cán bộ phường lập Biên bản số 02 về hành vi vi phạm nhưng Biên bản số 02 được lập không đúng mẫu nên phường đã hủy Biên bản này, sau đó ra văn bản thông báo cho bà H về việc lập Biên bản vi phạm hành chính số 05 đối với bà H. Biên bản vi phạm hành chính số 05 ghi thời điểm vi phạm tháng 7 năm 2018 là nhầm lẫn không chính xác. Phòng Quản lý đô thị Quận đã tiến hành xác minh tình tiết vi phạm và xác định thời điểm vi phạm tháng 6 năm 2018 là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính.

+ Về việc chấp hành pháp luật: Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định của Luật tổ tụng hành chính.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Quyết định xử phạt số 4581/QĐ-XPVPHC ngày 09 tháng 8 năm 2018 và Quyết định cưỡng chế số 3800/QĐ-CCXP ngày 05 tháng 7 năm 2019 được ban hành đúng thẩm quyền.

Phần nhà đất bị xử phạt hành chính có nguồn gốc bà Nguyễn Thị Thu H mua bằng giấy tay của ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị Mỹ P có chiều ngang 5m dài 13m, trên đất có căn nhà tường cao 1m, vách tôn, mái tôn (không ghi diện tích nhà). Bà H cho rằng bà xây dựng trên nền nhà cũ đã xây dựng theo Giấy phép xây dựng số 1018/GPXD ngày 28 tháng 8 năm 2012 là không đúng với nội dung Giấy phép xây dựng đã cấp và Giấy phép xây dựng đã hết hiệu lực năm 2013.

Căn cứ bản vẽ xin phép xây dựng số 872 ngày 07/5/2012 do Công ty TNHH Đo đạc và Thiết kế xây dựng Nam Việt lập, thì vị trí xin phép xây dựng thuộc một phần thửa 528 tờ bản đồ số 35 (thửa cũ MPT 42) BDC phường T. Phần đất xây dựng vi phạm hành chính cũng thuộc một phần thửa đất trên nhưng là đất trống. Căn cứ lời khai của bà Q thì căn nhà tạm mà bà Q bán cho bà H không có giấy phép xây dựng. Khi bán cho bà H bà Q đã thỏa thuận miệng với bà H khi nào xây dựng sửa chữa thì tự xin giấy phép. Theo biên bản vi phạm hành chính thì bà H đã xây dựng diện tích 48,5m², kết cấu tường gạch, cột bê tông, mái tôn, xà gồ sắt. Như vậy, so với hiện trạng cũ bà H đã thay đổi kết cấu. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ ban hành quyết định xử phạt hành chính, quyết định cưỡng chế biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định của pháp luật, yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà H là không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đại diện người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Nguyễn Tấn T và bà Cù Thoại V1 có Văn bản đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 157 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên.

[1.2] Đối với yêu cầu ngày 19 tháng 01 năm 2022 của đại diện người khởi kiện về việc đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa gặp hàng xóm và chủ cũ (bà Q) để xác minh thời điểm tạo lập căn nhà. Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa và Tòa án đã ghi lời khai của bà Nguyễn Thị Q để xác minh theo yêu cầu của đại diện người khởi kiện.

[1.3]Đối với yêu cầu ngày 16 tháng 02 năm 2022 của đại diện người khởi kiện về việc đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để giám định thời điểm ban hành Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính ngày 02 tháng 8 năm 2018 của phòng Quản lý Đô thị quận Đ. Hội đồng xét xử xét thấy qua việc tranh tụng và các tài liệu được thu thập trong hồ sơ vụ án đã đủ chứng cứ để giải quyết vụ án nên không cần thiết phải tạm ngừng phiên tòa để giám định Biên bản trên theo yêu cầu của đại diện người khởi kiện.

[1.4] Tại phiên tòa ngày 19 tháng 01 năm 2022 đại diện ủy quyền của người khởi kiện thay đổi yêu cầu bồi thường thiệt hại, yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường cho người khởi kiện 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Do thay đổi này không vượt quá yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình xét xử.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Quyết định số 4581/QĐ-XPVPHC ngày 09 tháng 8 năm 2018 về Xử phạt vi phạm hành chính (gọi là Quyết định số 4581/QĐ-XPVPHC) và Quyết định số 3800/QĐ-CCXP ngày 05 tháng 7 năm 2019 về Cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ (gọi là Quyết định số 3800/QĐ-CCXP) là các quyết định trong quản lý nhà nước thỏa mãn quy định tại Khoản 2 Điều 3 Luật tố tụng hành chính. Quyết định trên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của Nguyễn Thị Thu H nên bà H có quyền khởi kiện. Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Quyết định số 3800/QĐ-CCXP được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ ban hành ngày 05 tháng 7 năm 2019. Ngày 09 tháng 6 năm 2020 Tòa án nhận được đơn khởi kiện Quyết định số 3800/QĐ-CCXP. Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu H còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Về thẩm quyền ban hành các quyết định bị kiện:

Theo Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở :

“5. Phạt tiền đối với hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng như sau:

a)...

b) phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị”.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính thì với mức tiền phạt như trên thẩm quyền xử phạt thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ giao quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận là đúng quy định về giao quyền xử phạt theo Điều 54 Luật xử lý vi phạm hành chính. Vì vậy, Quyết định số 4581/QĐ-XPVPHC được ban hành đúng thẩm quyền. Đối với Quyết định số 3800/QĐ-CCXP được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[5] Thủ tục ban hành các quyết định bị kiện:

Khi phát hiện bà Nguyễn Thị Thu H xây dựng tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 35, tài liệu 2005 có địa chỉ số 108, đường b, khu phố x, phường Trường Thọ, quận Đ, Thành phố H, tháng 6 năm 2018 Ủy ban nhân dân phường T lập Biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC ngày 21 tháng 6 năm 2018. Do Biên bản số 02 được lập không đúng mẫu nên Ủy ban nhân dân phường đã hủy biên bản này và ra Thông báo số 99/TB-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2018 cho bà H về việc yêu cầu bà H có mặt tại địa điểm vi phạm để chứng kiến việc Ủy ban nhân dân phường T lập biên bản vi phạm hành chính. Biên bản vi phạm

hành chính số 05/BB-VPHC ngày 23 tháng 7 năm 2018 có nội dung đầy đủ theo quy định tại Khoản 2 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Do không thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nên hồ sơ vi phạm hành chính của bà Nguyễn Thị Thu H được chuyển đến người có thẩm quyền là Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ để xử phạt vi phạm hành chính. Quyết định số 4581/QĐ-XPVPHC ban hành có nội dung phù hợp quy định tại Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP nên đúng về hình thức. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên là đúng thủ tục xử phạt theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.

[6] Về căn cứ ban hành các quyết định bị kiện:

Trong quá trình giải quyết vụ án phía người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu H cho rằng bà H chỉ sửa chữa căn nhà do bà H nhận chuyển nhượng từ gia đình bà Nguyễn Thị Q, bà H không xây dựng mới như xác định của Ủy ban nhân dân quận Đ nên Quyết định xử phạt và Quyết định cưỡng chế đối với bà H là không đúng quy định của pháp luật gây thiệt hại cho bà H. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Giấy phép xây dựng số 1018/GPXD ngày 28 tháng 5 năm 2012 thì bà Nguyễn Thị Q được cấp phép xây dựng tầng một là 68,5m² và tầng lửng, tổng diện tích sàn xây dựng là 97,75m² nhưng bà Nguyễn Thị Q không xây dựng đúng vị trí được cấp giấy phép mà bà Q xây dựng lệch sang một phần đất bên cạnh (phần đất năm năm 2017 bà H mua thêm của bà Q), căn nhà bà Q xây dựng chưa được hoàn công nên phía người khởi kiện cho rằng căn nhà bà Nguyễn Thị Q xây dựng có phép là không chính xác.

Qua xem xét các tài liệu được thu thập trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy:

Theo ảnh chụp kèm hồ sơ vi phạm do người bị kiện cung cấp thể hiện công trình bà H bị xử phạt và bị cưỡng chế phá dỡ là căn nhà có tường xây gạch toàn bộ cột bê tông, nhà có gác, cửa ô kính.

Theo bản ảnh do bà H cung cấp thì căn nhà trước khi bà H xây dựng có tường xây khoảng 01 mét, tường tôn, cửa tôn.

Theo bản vẽ nhà đất của Công ty TNHH đo đạc xây dựng Tiên Phát đo vẽ ngày 13 tháng 4 năm 2020 do bà H cung cấp thì căn nhà của bà H có diện tích tầng một là 100m², lửng là 17m².

Qua so sánh các tài liệu trên, hội đồng xét xử thấy bà Nguyễn Thị Thu H gần như xây mới hoàn toàn, thay đổi kết cấu chịu lực (tường mới, đổ cột bê tông, diện tích tầng 1 tăng thêm từ 68m² lên 100m²) không thuộc trường hợp được miễn giấy phép xây dựng.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 89 Luật xây dựng năm 2014 thì: “*Trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này*”.

Bà Nguyễn Thị Thu H nhận chuyển nhượng nhà đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà H tiến hành xây dựng sửa chữa nhà không xin giấy phép nên việc Ủy ban nhân dân quận Đ xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà H là đúng theo các quy định của pháp luật.

Do bà Nguyễn Thị Thu H không cung cấp được giấy phép xây dựng trong thời hạn ghi trong quyết định xử phạt và không tự nguyện thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là phá dỡ công trình vi phạm nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và tiến hành cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng của bà H là có căn cứ.

[8] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại: Quyết định số 4581/QĐ-XPVPHC và Quyết định số 3800/QĐ-CCXP được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ ban hành đúng quy định của pháp luật nên việc bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu Ủy ban nhân dân quận Đ (nay là thành phố T) bồi thường thiệt hại do việc cưỡng chế gây ra là không có cơ sở.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H.

[9] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm và 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 7, Điều 30, Khoản 4 Điều 32, điểm a Khoản 2 Điều 116, Điều 143, Khoản 1 Điều 157, Khoản 1 Điều 158, Điều 193, Điều 206, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Luật xây dựng năm 2013;

Căn cứ Khoản 1, 6 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử :

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H về việc hủy Quyết định số 4581/QĐ-XPVPHC ngày 09 tháng 8 năm 2018 về “Xử phạt vi phạm hành chính” và Quyết định số 3800/QĐ-CCXP ngày 05 tháng 7 năm 2019 về “Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả” của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ (nay là thành phố T), Thành phố H.

2. Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu H về việc buộc Ủy ban nhân dân quận Đ (nay là thành phố T) bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm và 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã bà H nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0091936 ngày 03/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H được trừ vào tiền án phí hành chính sơ thẩm .

Bà H còn phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Cục THADS Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thương Huyền

